

ODP CHECK FORM

Date: _____

To: MR. DANIEL SULLIVAN
RP/RAP/SEA (ODP)
Department of State
Washington, D.C. 20520

From: Families of Vietnamese Political Prisoners Association
P.O.BOX 5435 - Arlington, Virginia 22205-0635

Name: Nguyễn Hữu Danh -

Date of Birth: 3/2/52

Address in VN Ấp Khu Phố - Xã Tam Hiệp

H. Châu Thành

Tỉnh Tiền Giang

Spouse Name: _____

Number of Accompanying Relatives: _____

Reeducation Time: _____ Years _____ Months _____ Days

IV # _____

VEWL # _____

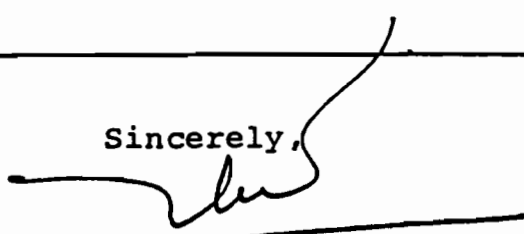
I-171 : _____ Yes: _____ No. - EXIT PERMIT: _____ Yes ; _____ No.

Special List # _____

Sponsor: _____

Remarks:
(From Mr. Sullivan) _____

Sincerely,


KHUC MINH THO

Tel. # _____

Việt-Nam Ngày 2/11/1989

Kính gửi Bà Khúc Đĩnh-Thò

Em hân hạnh được biết tại Hoa-Kỳ
hiện có hội từ nhân cháu họ VN do
Bà làm hội trưởng. Bà đã quý học
cũng đã có hội thư can thiệp và
giúp đỡ cho nhiều người

Ngày tôi viết lên trang thư này
câu xin Bà giúp đỡ cho gia đình
tôi được sang Hoa-Kỳ. Suốt gần
15 năm gia đình tôi sống trong
khung khổ thật khó khăn. Làm
thợ sửa điện đảo. Khi thì xách lô
xe kéo. VV...

Nghề nghiệp của tôi không thể
hợp tôi đối chất phù hiện nay

Lời viết lên đây đôi lời vắn tắt.
Chắc Bà đã hiểu nhiều hơn

Đông Bà cần xét đã giúp đỡ
cho gia đình tôi được toại nguyện.

Ơn nghĩa lớn lao này. Tôi xin
nhớ mãi.

Nguyễn Hữu Danh

T B -

Địa chỉ: Nguyễn Hữu Danh

Ấp KHU PHỐ, XÃ TAM-HIỆP

HUYỆN CHÂU-THÀNH

TỈNH TIỀN-GIANG

The U.S. Army Engineer School
Fort Belvoir, Virginia

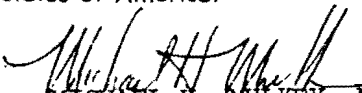
This is to Identify

PVT Nguyen N. DANH

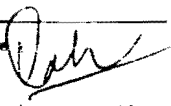
a Citizen of

Vietnam

A student of the United States Army
Engineer School at Fort Belvoir, Virginia.
Please extend to this student all the
courtesies due a guest of the United
States of America.


MICHAEL H. MULKEY, MAJ, CE

United States Army Engineer School
Fort Belvoir, Virginia

Student's Signature: 

PERSONAL IDENTIFICATION



Height 5'4" Color of Eyes Brown

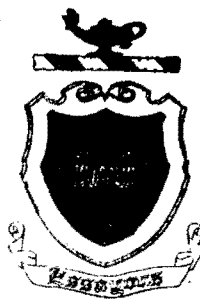
Weight 106 Color of Hair Black

Date of Birth 3 March 1952

Nationality Vietnamese

Ft. Belvoir Address:

United States Army Engineer School



Certificate of Completion

awarded to

Private Nguyen Thu Danh
Army of the Republic of Vietnam

For successful completion of the

Fixed Power Plant Organizational Maintenance Course

Given this 14th day of Aug, 1971
at Fort Belvoir, Virginia

A handwritten signature in cursive script, appearing to read 'Laura L. Bell', is written over a horizontal line.

Captain, WAC, Assistant Secretary

ATSEN-SY-AL (24Apr71) 1st Ind

SUBJECT: Invitational Travel Order Army VS-171-71 (106.1) (Service)

United States Army Engineer School, Fort Belvoir, Virginia, 28 July 1971

TO: PVT Nguyen Huu DANH, 72/507.578 SIG 61/6 Mar 71

3200A	NIG	WB42	B174077	662-52B20
3200B	NIG	WB43	B174078	662-52B30
3200C	NIG	VE05	B174082	662-F2
3200D	NID	WB44	B149901	OJT
WCN	GC	RCN	MASL ID	CN

1. Having arrived at this school on 4 May 1971 to attend the Mobile Electric Power Generation Course (662-52B20), the Mobile Electric Power Generation (Precise) Course (662-52B30), the Fixed Power Plant Organizational Maintenance Course (662-F2), On-Job-Training and having completed instructions you are authorized and invited to proceed from Fort Belvoir, Virginia on or about 2 September 1971 to Travis Air Force Base, California for return to Vietnam. You will depart Travis AFB at 0045 hours, 5 September 1971 on Flight Number TKP P2A3 arriving Saigon, Vietnam at 1330 hours, 6 September 1971. T/R issued this station from Washington, DC to Travis AFB, California and from Travis AFB to Saigon, Vietnam. AMD: SUU SGN 2PT VOA 09.

2. You are authorized 1 days travel time enroute. You are to report to Room 42, Building P-3, Travis AFB, California not later than 0800 hours 3 September 1971.

3. One hundred pounds of personal baggage will accompany individual.

4. Cost of living allowance authorized while attending the US Army Engineer School, 1 days travel and the expected date of departure from CONUS will be paid by Finance Officer this station through 2400 hours, 5 September 1971.

FOR THE COMMANDANT:


MICHAEL H. MULKEY
Major, CE
Assistant Secretary

DISTRIBUTION:

Indiv Concerned	(25)
DA-ACSI	(2)
DA-DCSOPS IA-PA	(2)
Ch, US Mil Assistance Command, Vietnam, APO SF 96222	(10)
CG, HQ Sixth US Army	(2)
C in Ch, US Army Pacific	(2)

HEADQUARTERS
(Bộ chỉ Huy)
UNITED STATES MILITARY ASSISTANCE COMMAND, VIETNAM
(Bộ Tư-lệnh Viện-Trợ Hoa-Kỳ ở Vietnam)
APO, San Francisco 96222
(Quản-bưu lục-quân, San Francisco 96222)

11 Octbber 1971

MACAG

(Phòng Tổng-Quan-Trị Bộ-Tư-lệnh Viện-Trợ)

LETTER ORDERS

(Sứ vụ-lệnh)

NUMBER 10-1083

(Số)

SUBJECT: Travel Orders

(Trích-yếu: Lệnh di-chuyển)

SEE DISTRIBUTION

(Xem Phô-biến)

TC 105. You are directed to pro on TDY.
(TC 105. Đường-Sự, được chỉ-thị đi công-tác)

VU DẠC DUNG 71/406.747 SGT MOS 52B

UYEN PHU VINH 71/128.030 SGT MOS 52B

NGUYEN HUU DANH 72/507.578 PVT MOS 52B

610th Area Sig Co, ABC 4006, Co Maj PHUONG, Ph # MINH TRI 641

(ARVN Liaison Unit and Contact : Contract Management Officer

ARVN Liaison Officer, LTC HO # Ph # 922-3122)

TDY to:

PHU BAI ICS SITE, APO 96308 → 96308

(Tại)

WP date: OA 05 October 1971

(Khởi-hành vào ngày : hay khoảng)

Pd: Indefinite

(Thời-gian: Vô hạn-dịnh)

Sety cnc: KIN

(Điều-Chuẩn an ninh):

Purpose: OJT and Augmentee

(Mục-dịch: Thực tập trong công-tác và tăng-cường)

Auth: Para 3a (1) (a), MACV Dir 59-3 and MACV Msg, Cite 27144, dtg 060948Z May 69.

(Chức-quyền: Đoạn 3a (1) (a) của Huan-thị số 59-3 của Bộ-Tư-lệnh Viện-Trợ của Hoa-Kỳ tại Vietnam và bưu-diệp số 27144 nhóm giờ 060948Z tháng năm 1969 của Bộ-Tư-lệnh Viện-Trợ Quân-Sự Hoa-Kỳ tại Vietnam)

Tvl data: TEMAA. TBGAA.

(Phương-tiện di-chuyển: Được phép di-chuyển bằng phi-cơ quân-sự và quân-xa)

Emerg data:

(Tin-tức khẩn-cấp: Không áp dụng)

Sp instr:

(Chỉ dẫn đặc-biệt):

1. Approp rel to claim for injury or death WB compl IAW MACV Dir 59-3.

(Sự khiếu-nại thích-ứng để hưởng trợ-cáp khi bị thương-tịch hay chết chóc sẽ áp dụng thủ-tục giấy tờ phù-hợp theo huan-thị số 59-3 của Bộ-Tư-lệnh viện-trợ Quân-Sự Hoa-Kỳ tại Vietnam)

2. Indiv is resp to insure that rqr imm are up to date.

(Đường-Sự phải chịu trách-nhiệm bảo-dam rằng đã được chính-ngủ, đúng thời-gian quy-dịnh)

3. Pers bag limited to 55 lbs when tvt is per mil acft.

(Hành-lý mang theo được hạn-dịnh là 30kg khi di-chuyển bằng phi-cơ quân-sự).

4. Auth use of conveyances in and around areas of TDY per JTR, para M 4501.3

(Được phép sử dụng các phương-tiện giao-lệ trong và chung quanh khu-vực công-

and para C6101-2
tác an-dịnh của nhất-lệ di-chuyển hàng-hóa, đoạn M4501-3 và đoạn C6101-2.

5. The carry of any kind of dangerous articles (hand grenades, tear gas

(Việc mang bất-cứ loại vũ-khí nào (lựu đạn, lựu đạn cay, pháo hiệu

grenades, signalite, etc...), firearms ammunition, explosive or incendiary

v.v...) đạn được, chất nổ, đạn soi sáng, hay bất cứ loại chất nổ nào mang

ammunition, or any kind of explosive device in accompanied or unaccompanied

trong hành-lý, hoặc phi-cơ quân-sự đều cấm ngặt.

pers bag aboard mil acft is prohibited.

6. Mil pers will wear ident tags.

(Quân-nhân phải mang theo thẻ bài kim-khí).

7. Auth to carry weapon.

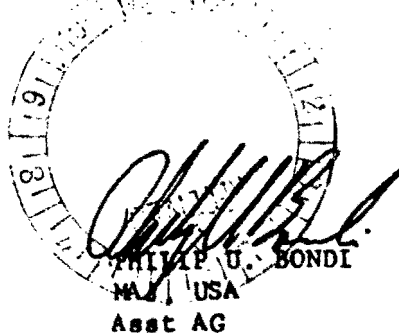
(Được phép mang vũ-khí).

8. Auth to wear civ clo.

(Được phép mặc thường phục).

FOR THE COMMANDER:

(Thừa lệnh Tư-Lệnh) :


PHILIP U. BONDI
MAJ USA
Asst AG

DISTRIBUTION: (Phân-phối)

5 - Indiv conc (J616)

1 - MAC AG-AD

8 - Unit/Stf ofc conc

2 - MACJ1

2 - MACJ

10 - MACJ616

5 - 1st Sig Bde - LBN

5 - 1st Sig Bde - Reg Comm Gp, SGN.

NGUYỄN HỮU DÂN
Ấp Khu phố - Xã Tam Hiệp
Huyện Châu Thành
Tỉnh Tiền Giang

R 1
#3 7 0

CONVOY 001.001.001
001.001.001
001.001.001

Families of Vietnamese political prisoners
association

Bà: Khúc Minh Phó

P.O.BOX 5435, Arlington

VA 22205 . 0635

USA

2005-174400